TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/KDTM-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Tám;

2. Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2025/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 299/2025/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: Tầng B - 27 - 28, Saigon Trade C, C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KUO, YU-CHEN, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Căn hộ D, khu phố R, P, đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Vũ Ngọc P, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Tầng B, Saigon Trade C, C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Địa chỉ: B V, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: C TTH21, tổ B, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: A chung cư K, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 324B1 TTH21, tổ B, khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: C, KP3A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 02/6/2023, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đến ngày 29/5/2025 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Vũ Ngọc P trình bày:

Ngày 29/4/2022 và ngày 08/9/2022, Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) và Công ty trách nhiệm hữu hạn S (sau đây gọi tắt là Công ty S) đã ký kết hợp đồng bán hàng số T22020009 và số T22047809. Hàng hóa mà Công ty S có nhu cầu mua theo hợp đồng số T22020009 là nhôm thanh, theo hợp đồng số T22047809 là thép, nhôm. Để thực hiện các hợp đồng nêu trên, Công ty T1 đã ký hợp đồng mua bán số T22020009-PC ngày 29/4/2022, số T22047809-01-PC ngày 19/9/2022 và số T22047809-02-PC ngày 10/10/2022 với Công ty TNHH N để mua hàng hóa nêu trên và bán trả dần cho Công ty S. Công ty T1 đã bàn giao đầy đủ hàng hóa đúng như thỏa thuận cho Công ty S vào các ngày 04/5/2022, ngày 20/9/2022 và ngày 11/10/2022. Công ty S đã xác nhận ký vào biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa. Tổng giá trị của hàng hóa, tiền trả trước, tiền trả dần theo định kỳ và số lần thanh toán mà Công ty S có nghĩa vụ thực hiện đối với Công ty T1 được thể hiện trong hợp đồng và thông báo về ngày thanh toán định kỳ, cụ thể như sau (đơn vị tính VNĐ):

Thông báo về ngày thanh toán định kỳ	Tổng giá trị của hàng hóa	Tiền trả trước	Số tiền trả dần theo định kỳ	Số lần thanh toán
T22020009A	3.227.600.969	622.488.133	2.605.112.836	12
T22047809A	1.988.348.142	382.595.371	1.605.752.771	12
T22047809B	1.294.053.604	249.000.116	1.045.053.488	12

Tổng cộng	6.510.002.715	1.254.083.620	5.255.919.095	

Hằng tháng, Công ty S phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền trả dần theo định kỳ cho đến khi thanh toán xong. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty S theo hợp đồng, Công ty T1 chấp nhận thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T ký ngày 29/4/2022 và ngày 08/9/2022. Trường hợp Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ thay cho Công ty S. Nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của mình, Công ty S tiến hành thế chấp cho Công ty T1 một số tài sản, cụ thể như sau: Theo hợp đồng bán hàng T22020009, hợp đồng thế chấp T22020009-MA ngày 29/4/2022 thì tài sản thế chấp là 01 máy cắt kim loại bằng tia laser HN3015F 2000W Raycus-Fiber laser cutting machine. - Nhãn hiệu: HONGNIU; theo hợp đồng bán hàng T22047809, hợp đồng thế chấp T22047809-MA ngày 08/9/2022 thì tài sản thế chấp là 01 máy hàn laser HN 1500W Raycus - L - Nhãn hiệu: Hongniu, 01 máy cắt nhôm LJ-500A, 01 bộ R Hàn HP20 + Máy Hàn 350Ampe. Công ty S đồng ý chuyển cho Công ty T1 khoản tiền đặt cọc 627.041.809 đồng nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty S theo hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ thanh toán đến hạn ngày 10/02/2023. Nhận thấy Công ty S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo hợp đồng, ngày 12/5/2023 Công ty T1 đã phát hành thông báo số 01.2023/TB-DUCTHI về việc chấm dứt hợp đồng bán hàng Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T1 số tiền tính đến ngày 15/5/2023 là 2.555.680.938 đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Ngày 18/5/2023, Công ty T1 phát hành thư yêu cầu thanh toán số 02.2023/TB-DUCTHI về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền trả dần để yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền mà Công ty S còn nợ Công ty T1 thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 29/5/2023. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty S, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty T1. Từ sau ngày 12/5/2023, Công ty S chỉ thanh toán cho Công ty T1 số tiền 800.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 15/6/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; ngày 09/8/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; ngày 29/9/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; ngày 01/11/2023 thanh toán 100.000.000 đồng; ngày 22/4/2024 thanh toán 300.000.000 đồng; ngày 25/6/2024 thanh toán 100.000.000 đồng.

Nay, Công ty TNHH T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn nợ (sau khi trừ tiền đặt cọc) tạm tính đến ngày 18/6/2025 là 1.491.969.953đ (một tỷ bốn trăm chín mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: Tiền trả dần còn lại 1.126.761.474 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 15/5/2023 là 1.575.052 đồng, tiền phạt vi phạm tính đến ngày 15/5/2023 là 302.603 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 16/5/2023 đến ngày 18/6/2025 là 363.330.824 đồng; buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S thanh toán cho Công ty TNHH T1 tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 19/6/2025 tính trên số tiền trả dần còn

lại với mức lãi suất là 8.7%/năm cho đến khi thanh toán xong số tiền trả dần còn lại; trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn S không thanh toán số tiền còn nợ thì Công ty TNHH T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty TNHH T1; trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn S không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty TNHH T1 buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn nợ.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/6/2023, nguyên đơn Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty S thanh toán cho Công ty T1 tiền trả dần còn lại, tiền lãi chậm thanh toán, tiền phạt vi phạm theo hợp đồng bán hàng được ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty S có trụ sở tại 25 V, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét Công ty T1 yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty T1 sau khi trừ tiền đặt cọc tạm tính đến ngày 18/6/2025 là 1.491.969.953đ (một tỷ bốn trăm chín mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba đồng), trong đó: Tiền trả dần còn lại

1.126.761.474 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 15/5/2023 là 1.575.052 đồng, tiền phạt vi phạm tính đến ngày 15/5/2023 là 302.603 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 16/5/2023 đến ngày 18/6/2025 là 363.330.824 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét ngày 29/4/2022 và ngày 08/9/2022, Công ty T1 và Công ty S đã ký kết hợp đồng bán hàng số T22020009 và số T22047809. Công ty T1 đã bàn giao đầy đủ hàng hóa đúng như thỏa thuận cho Công ty S vào các ngày 04/5/2022, ngày 20/9/2022 và ngày 11/10/2022. Công ty S đã xác nhận ký vào biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa. Hàng tháng, Công ty S phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền trả dần theo định kỳ cho đến khi thanh toán xong. Công ty S đồng ý chuyển cho Công ty T1 khoản tiền đặt cọc 627.041.809 đồng nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty S theo hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ thanh toán đến hạn ngày 10/02/2023. Công ty S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo hợp đồng, ngày 12/5/2023 Công ty T1 đã phát hành thông báo số 01.2023/TB-DUCTHI về việc chấm dứt hợp đồng bán hàng. Ngày 18/5/2023, Công ty T1 phát hành thư yêu cầu thanh toán số 02.2023/TB-DUCTHI về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền trả dần để yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền mà Công ty S còn nợ Công ty T1 thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 29/5/2023. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty S, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn nợ cho Công ty T1. Từ sau ngày 12/5/2023, Công ty S chỉ thanh toán cho Công ty T1 được số tiền 800.000.000 đồng, sau đó Công ty S đã không thanh toán cho Công ty T1 trong khoảng thời gian dài từ ngày 26/6/2024 cho đến nay. Việc Công ty S không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty T1, vi phạm quy định tại Điều 2, Điều 8, Điều 9 của hợp đồng bán hàng đã ký. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền trả dần còn lại, tiền lãi chậm thanh toán, tiền phạt vi phạm là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét Công ty T1 yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 19/6/2025 tính trên số tiền trả dần còn lại với mức lãi suất là 8.7%/năm cho đến khi thanh toán xong số tiền trả dần còn lại. Căn cứ Điều 9 hợp đồng bán hàng thì tiền lãi chậm thanh toán được tính theo mức lãi suất bằng 1.5 lần lãi suất chậm thanh toán nhân với toàn bộ khoản tiền còn nợ tương ứng với số ngày bị chậm thanh toán từ ngày chấm dứt hợp đồng cho đến khi thanh toán hết các khoản tiền còn nợ. Lãi suất chậm thanh toán là lãi suất tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn sáu (06) tháng của Ngân hàng TMCP N1 có hiệu lực tại ngày 15 dương lịch của tháng liền kề trước tháng chấm dứt hợp đồng. Nếu ngày 15 dương lịch này không phải là ngày làm việc thì ngày làm việc liền kề trước đó sẽ được áp dụng. Hội đồng xét xử xét Công ty T1 chấm hợp đồng bán hàng với Công ty S ngày 12/5/2023. Lãi suất tiền gửi bằng VNĐ có kỳ hạn sáu (06) tháng của Ngân hàng TMCP N1 có hiệu lực tại ngày 14/4/2023 là 5.80%. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 19/6/2025 tính trên số tiền trả dần còn lại với mức lãi suất là 8.7%/năm cho đến khi thanh toán xong số tiền trả dần còn lại là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của Công ty T1 trường hợp Công ty S không thanh toán số tiền còn nợ thì Công ty T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp là 01 máy cắt kim loại bằng tia laser HN3015F 2000W Raycus-Fiber laser cutting machine. - Nhãn hiệu: HONGNIU theo hợp đồng thế chấp T22020009-MA ngày 29/4/2022; 01 máy hàn laser HN 1500W Raycus - L - Nhãn hiệu: Hongniu, 01 máy cắt nhôm LJ-500A, 01 bộ R Hàn HP20 + Máy Hàn 350Ampe theo hợp đồng thế chấp T22047809-MA ngày 08/9/2022 giữa Công ty S và Công ty T1 để thu hồi nợ cho Công ty T1. Yêu cầu nêu trên là có cơ sở chấp nhận vì phù hợp với thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 10 của hợp đồng bán hàng và hợp đồng thế chấp nêu trên. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2024 thì các tài sản thế chấp nêu trên vẫn còn đặt tại Công ty S.

[3.4] Xét thư bảo lãnh cá nhân lập ngày 29/4/2022 và ngày 08/9/2022 giữa Công ty T1 và ông Nguyễn Văn Đ, thư bảo lãnh cá nhân lập ngày 29/4/2022 và ngày 08/9/2022 giữa Công ty T1 và bà Trần Thị T để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty S cho Công ty T1 đối với hợp đồng bán hàng số T22020009 ngày 29/4/2022 và hợp đồng bán hàng số T22047809 ngày 08/9/2022. Thư bảo lãnh được lập trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Như vậy, trường hợp Công ty S không thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty T1 thì ông Đ và bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty S còn nợ. Do đó yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Xét yêu cầu của Công ty T1 về việc Công ty S phải hoàn trả cho Công ty T1 3.000.000 đồng chi phí tố tụng để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 01 máy cắt kim loại bằng tia laser HN3015F 2000W Raycus-Fiber laser cutting machine. - Nhãn hiệu: HONGNIU, 01 máy hàn laser HN 1500W Raycus - L - Nhãn hiệu: Hongniu, 01 máy cắt nhôm LJ-500A, 01 bộ R Hàn HP20 + Máy Hàn 350Ampe. Hội đồng xét xử xét thấy chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng là khoản chi phí hợp lý cho việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Yêu cầu của Công ty T1 được chấp nhận, Công ty S phải chịu chi phí theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty T1 đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên Công ty S phải hoàn trả cho Công ty T1 3.000.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty S phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 335, Điều 338, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T1, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải trả cho Công ty TNHH T1 số tiền trả dần còn lại 1.126.761.474 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 15/5/2023 là 1.575.052 đồng, tiền phạt vi phạm tính đến ngày 15/5/2023 là 302.603 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 16/5/2023 đến ngày 18/6/2025 là 363.330.824 đồng, tổng cộng 1.491.969.953đ (một tỷ bốn trăm chín mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba đồng).

Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn phải chịu trả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 19/6/2025 tính trên số tiền trả dần còn lại với mức lãi suất là 8.7%/năm cho đến khi thanh toán xong số tiền trả dần còn lại.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn S không thanh toán số tiền còn nợ thì Công ty TNHH T1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty TNHH T1, cụ thể là 01 máy cắt kim loại bằng tia laser HN3015F 2000W Raycus-Fiber laser cutting machine. - Nhãn hiệu: HONGNIU theo hợp đồng thế chấp số T22020009-MA ngày 29/4/2022; 01 máy hàn laser HN 1500W Raycus - L - Nhãn hiệu: Hongniu, 01 máy cắt nhôm LJ-500A, 01 bộ R Hàn HP20 + Máy Hàn 350Ampe theo hợp đồng thế chấp số T22047809-MA ngày 08/9/2022.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty trách nhiệm hữu hạn S không thanh toán số tiền còn nợ thì ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 theo nội dung các thư bảo lãnh đã ký ngày 29/4/2022 và ngày 08/9/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn nợ.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH T1 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 56.759.099đ (năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn không trăm chín mươi chín đồng) Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải chịu.

Trả lại cho Công ty TNHH T1 tiền tạm ứng án phí 41.647.533đ (bốn mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền số 0018578 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy